| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ Q**<br>**TỈNH QUẢNG NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 03/2022/QĐST- DS | *Q, ngày 08 tháng 9 năm 2022* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 649, 650, 651, 652, 660 Bộ luật dân sự;

Căn cứ luật phí và lệ phí; Căn cứ khoản 7 Điều 26 nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 31 tháng 8 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 41/2021/TLST- DS ngày 25 tháng 10 năm 2021

## XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

*Nguyên đơn*: Bà Đỗ Thị B, sinh năm 1957; Địa chỉ: Khu phố 2, phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

*Bị đơn*: Anh Đỗ Hạnh T, sinh năm 1991; Địa chỉ: Ngõ 25, đường N, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

*Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Đỗ Thị Kim L – sinh năm: 1963. Địa chỉ: Khu phố 6 phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh

- Bà Đỗ Thị N – sinh năm: 1960. Địa chỉ: Khu phố 2 phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh

- Bà Đỗ Thị Đ – sinh năm: 1966. Địa chỉ: Tổ 7 khu 9, phường H, thành

phố H, tỉnh Quảng Ninh

- Ông Lê Tiến H – sinh năm: 1969. Địa chỉ: Tổ 2 khu 7 phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh

- Chị Lê Thị H, sinh năm 1978 – Địa chỉ: Phòng P.601 Tòa D1 khu CT2, ĐTM K, K, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Tiến H, sinh năm: 1969. Địa chỉ: Tổ 2 khu 7 phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh

- Ông Lê Thanh H – sinh năm: 1972. Địa chỉ: khu phố 9 phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

- Bà Vũ Thị Ngọc L – sinh năm: 1969. Địa chỉ: Khu phố 1, phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

- Chị Lê Quỳnh T – sinh năm: 1995. Địa chỉ: Số nhà 392 khu K, phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

- Chị Lê Ngọc L – sinh năm: 1997. Địa chỉ: Khu phố 1 phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

- Anh Lê Thanh T – sinh năm: 1993. Địa chỉ: Khu phố 1 phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

- Anh Lê Tùng G – sinh năm: 1994. Địa chỉ: Số nhà 392 khu K, phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

**2.** Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về việc chia di sản thừa kế:

Các đương sự đều thừa nhận cụ Đỗ Văn N (chết năm 1987) và cụ Đào Thị N(chết năm 2005) khi còn sống có sinh được 7 người con gồm: Bà Đỗ Thị Q chết năm 2006, có chồng là ông Lê Thanh G chết năm 2003 và hai người con: Lê Minh C chết năm 2011(Lê Minh C có vợ là bà Vũ Thị Ngọc L và hai người con là Lê Thanh T; Lê Ngọc L) và Lê Thanh B chết năm 2007 (Lê Thanh B đã ly hôn vào năm 1998 và có hai người con là Lê Tùng G, Lê Quỳnh T); bà Đỗ Thị H chết năm 2015, có chồng là ông Lê Xuân H chết năm 2017 và ba người con: Lê Tiến H, Lê Thanh H, Lê Thị H; ông Đỗ M chết năm 2009 (đã ly hôn vào năm 2005) và có một người con: Đỗ Hạnh T; bà Đỗ Thị B; bà Đỗ Thị N; bà Đỗ Thị Kim L; bà Đỗ Thị Đ.

Cụ Đỗ Văn N và Đào Thị N để di sản thừa kế là thửa đất số 42, tờ bản đồ số 29 (tương ứng thửa 56(a), tờ bản đồ số 01), diện tích 431,2m$^2$ địa chỉ tại khu phố 2, phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh theo trích đo hiện trạng thửa đất của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã Q (Diện tích hiện trạng giảm 39,66m2 so với diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X622745 do UBND huyện Y cấp ngày 04/4/2003, các đương sự thống nhất chia thừa kế

theo diện tích đất hiện trạng, không có ý kiến gì về diện tích đất đã giảm).

Các công trình trên đất gồm: nhà cấp 4 diện tích 59,4m2; nhà phụ (1) diện tích 14,5m2; nhà phụ (2) diện tích 11,3m2; nhà vệ sinh diện tích 5,1m2; Giếng diện tích 1,3m2; Mái tôn diện tích 57,9m2; 05 cây lâu năm. Đây là những tài sản trên đất đã tồn tại từ rất lâu từ đời các cụ để lại, đã hư hỏng và không còn giá trị sử dụng. Vì vậy các đương sự thống nhất không yêu cầu chia giá trị các tài sản này, và cam kết tự nguyện phá huỷ, tháo dỡ và chặt bỏ hết các tài sản trên đất nêu trên và không đề nghị toà án giải quyết.

Các đương sự thống nhất giá trị của thửa đất là 344.960.000đ (ba trăm bốn mươi bốn triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng)

Các đương sự thỏa thuận dành một phần diện tích đất làm ngõ đi chung có diện tích được giới hạn bởi: S (f,3,4,5,6,7,e,d,c,f)= 26,4m2 thuộc một phần thửa đất số 42, tờ bản đồ số 29 (tương ứng thửa 56(a), tờ bản đồ số 01), địa chỉ tại Khu phố 2, phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh theo trích đo hiện trạng thửa đất của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã Q.

Bà Đỗ Thị B được quyền sử dụng thửa đất số 01, diện tích 84,6m2 được giới hạn bởi S (b,c,f,2,b)= 84,6m2 và thửa đất số 03, diện tích 253,2m2 được giới hạn bởi: S (1,a,d,e,8,9,10,11,12,13,14,15,1)= 253,2m2 thuộc một phần thửa đất số thửa đất số 42, tờ bản đồ số 29 (tương ứng thửa 56(a), tờ bản đồ số 01), địa chỉ tại Khu phố 2, phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh theo trích đo hiện trạng thửa đất của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã Q.

Anh Đỗ Hạnh T được quyền sử dụng thửa đất số 02, diện tích 67m2 được giới hạn bởi S(a,b,c,d,a)= 67 m2 thuộc một phần thửa đất số thửa đất số 42, tờ bản đồ số 29 (tương ứng thửa 56(a), tờ bản đồ số 01), địa chỉ tại Khu phố 2, phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh theo trích đo hiện trạng thửa đất của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã Q.

Bà Đỗ Thị B không phải thanh toán tiền chênh lệch giá trị di sản thừa kế cho anh Đỗ Hạnh T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

2.2. Về chi phí tố tụng: Bà Đỗ Thị B tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản là 10.000.000đ (mười triệu đồng)

2.3**.** Về án phí dân sự**:**

Bà Đỗ Thị B được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm. Anh Đỗ Hạnh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.340.000đ (một triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng).

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành

án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Quảng Ninh
- VKSND thị xã Q
- THADS thị xã Q
- Đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án

**THẨM PHÁN**

**Vũ Công Mười**